

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra kiểm tra tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số và các chuyên đề tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Minh Long

Thực hiện kế hoạch công tác năm học 2018 - 2019 của ngành, ngày 09-10/01/2019 Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số và các chuyên đề tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Minh Long, qua kiểm tra đoàn thông báo kết quả như sau:

I. Thực hiện tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số

1. Hồ sơ quản lý, công tác chỉ đạo:

Phòng GD&ĐT đã tham mưu UBND huyện ban hành văn bản số 978/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn huyện Minh Long.

Phòng GD xây dựng Kế hoạch số 61/KH-GDĐT ngày 11/9/2018 triển khai thực hiện tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS năm học 2018-2019 và Công văn số 633/PGDĐT-MN ngày 14/9/2018 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS.

Hàng năm, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

Tổ chức triển khai bồi dưỡng các nội dung tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS đủ các nội dung Sở triển khai cho CBQL và giáo viên cốt cán, chỉ đạo các trường tập huấn đại trà.

Tổ chức kiểm tra các trường triển khai thực hiện TCTV cho trẻ mầm non DTTS lồng vào các đợt kiểm tra chung của Phòng.

Tuy nhiên, trong năm học 2017-2018 Phòng Giáo dục chưa xây dựng kế hoạch và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Quy mô phát triển (Số liệu thời điểm tháng 12/2018)

- Tổng Số trường: 06
- Tổng Số trường có trẻ DTTS: 06
- Tổng số nhóm, lớp: 41, trong đó:
 - + Nhóm trẻ: 01
 - + Lớp mẫu giáo: 41(có 14 lớp ghép)
- Tổng số nhóm, lớp có trẻ DTTS: 41, trong đó:
 - + Nhóm trẻ có trẻ DTTS: 01
 - + Lớp mẫu giáo có trẻ DTTS: 40 (có 14 lớp ghép)
- Tổng số nhóm, lớp có trẻ DTTS học 2 buổi/ngày: 41, tỷ lệ: 100%

- Tổng số trẻ ra lớp chung: 1170/1994, tỷ lệ: 58,67, trong đó:
- + Trẻ nhà trẻ: 25/752, tỷ lệ: 3,52%
- + Trẻ mẫu giáo: 1145/1242, tỷ lệ: 92,19%
- + Riêng MG 5 tuổi: 451/458, tỷ lệ: 98,47%
- Tổng số trẻ DTTS ra lớp: 856/1446, tỷ lệ: 74,7, trong đó:
- + Trẻ nhà trẻ DTTS: 5/555, tỷ lệ: 0,9%
- + Trẻ mẫu giáo DTTS: 851/891, tỷ lệ: 95,5%
- + Riêng MG 5 tuổi DTTS : 343/344, tỷ lệ: 99,7%
- * Ưu điểm:

Tỷ lệ trẻ mẫu giáo người DTTS, trẻ MG 5T DTTS ra lớp cao, vượt chỉ tiêu, 100% học 2 buổi/ngày. Những trường có điểm trung tâm đều bố trí sắp xếp phân chia trẻ theo độ tuổi để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và tăng cường tiếng Việt cho trẻ.

* Tồn tại, thiếu sót:

Tỷ lệ trẻ nhà trẻ người DTTS ra lớp quá thấp, Phòng GD&ĐT chưa tích cực chỉ đạo các trường trong huyện mở nhóm trẻ và huy động trẻ nhà trẻ ra lớp.

3. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho trẻ DTTS

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho trẻ DTTS

- Tổng số phòng học: 41/41 nhóm, lớp, tỷ lệ: 100%

Trong đó: Phòng kiên cố: 31 tỷ lệ: 75,6%; Phòng bán kiên cố: 20 tỷ lệ: 24,4%, không có phòng tạm, phòng thiếu phải mượn.

- Trường có bếp: 6/6 trường, tỷ lệ: 100%

- Tổng số bếp ăn: 6/12 điểm trường, bếp đạt yêu cầu: 06, tỷ lệ: 100%

- Trường có sân chơi: 6/6, tỷ lệ 100 %; sân chơi có đồ chơi ngoài trời (kể cả điểm lẻ): 7/12 tỷ lệ 58,3%

- Tường rào, cổng ngõ đảm bảo an toàn (kể cả điểm lẻ): 6/12, tỷ lệ 50%

- Có 6/12 điểm trường (tỷ lệ 50%) chưa có tường rào, cổng ngõ hoặc có chưa đảm bảo an toàn.

- Thiết bị đồ dùng đồ chơi tối thiểu theo TT 02: 34 bộ/41 nhóm lớp, tỷ lệ 82,9%, trong đó:

+ Nhóm trẻ: 01 bộ/01 nhóm, tỷ lệ 100%

+ Lớp MG 3T: 06 bộ/08 lớp 3 T, tỷ lệ 75%

+ Lớp MG 4T: 07 bộ/12 lớp 4T, tỷ lệ 58,3%

+ Lớp MG 5T: 20 bộ/20 lớp 5 tuổi, tỷ lệ 100%

b) Đầu tư CSVC, trang thiết bị: (Từ tháng 1/2017 đến 12/2018)

- Số phòng học được XD mới cho nhóm lớp có trẻ DTTS (đã đưa vào sử dụng và phục vụ cho trẻ DTTS): 06 phòng (Trường MG Thanh An và MG Long Sơn)

- Số phòng học đã sửa chữa và nâng cấp: 04. Tổng kinh phí: 360 triệu đồng từ nguồn kinh phí ngân sách huyện.

- Số bếp ăn xây dựng mới: 01 bếp ở Long Môn. Tổng kinh phí 145 triệu đồng từ nguồn kinh phí ngân sách huyện.

- Công trình vệ sinh: 02. Tổng kinh phí: 270 triệu từ nguồn kinh phí ngân sách huyện.

- Nguồn nước sạch: 01 công trình tại Thanh An, tổng kinh phí: 30,265 triệu đồng từ nguồn kinh phí ngân sách huyện.

c) Đánh giá chung

* Ưu điểm:

- Đủ phòng học, tỷ lệ phòng kiên cố và bán kiên cố cao, không có phòng tạm.

- Các trường mầm non đều có bếp ăn để tổ chức bán trú cho trẻ ở điểm trung tâm, trong đó có 02 trường tổ chức cho 1005 trẻ ăn tại trường (Trường MN Ánh Dương, Thanh An).

* Tồn tại, thiếu sót:

Còn 6/12 điểm trường chưa có tường rào cổng ngõ. Thiết bị đồ dùng dạy học đồ chơi tối thiểu hàng năm chưa được mua sắm bổ sung.

4. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: (Thời điểm tháng 12/2018)

a) Số lượng chung:

Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 111 người.

Trong đó: CBQL: 11; giáo viên: 71

Nhân viên: 29, trong đó: Kế toán: 05; y tế: 05; cấp dưỡng: 13; bảo vệ: 06

Số GV dạy lớp có trẻ DTTS: 71

b) Trình độ:

- CBQL: 100% trên chuẩn; GV: trên chuẩn 64/71 tỷ lệ 90,14%

- Nhân viên: Kế toán, y tế đạt trình độ theo quy định.

c) Đánh giá chung

* Ưu điểm:

CBQL, giáo viên và nhân viên trẻ, nhiệt tình, 100% đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn đạt tỷ lệ cao.

* Tồn tại, thiếu sót:

Nhiều trường thiếu CBQL; giáo viên và nhân viên hợp đồng ở một số trường chưa đảm bảo chế độ chính sách theo quy định.

Một số giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi bổ sung còn hạn chế, việc lồng ghép tăng cường tiếng Việt cho trẻ trong các hoạt động chưa linh hoạt, nội dung chưa phong phú.

Một số cán bộ quản lý còn hạn chế về năng lực quản lý trường mầm non.

5. Thực hiện chế độ chính sách:

a) Trẻ (năm 2017, 2018)

- Chi phí học tập: Năm 2017: Số trẻ được hưởng: 960, số tiền đã nhận: 1,039 tỷ đồng; Năm 2018: Số trẻ được hưởng: 961, số tiền đã nhận: 1,179 tỷ đồng

- Hỗ trợ ăn trưa: Năm 2017: Số trẻ được hưởng: 848, số tiền đã nhận: 454 triệu đồng; Năm 2018: Số trẻ được hưởng: 602, số tiền đã nhận: 254 triệu đồng.

b) Giáo viên:

- Giáo viên chưa được hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định 06/2018/NĐCP (GV trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người dân tộc thiểu số tại các điểm lẻ).

- Có 25/71 giáo viên hợp đồng nhưng không được hưởng chế độ theo Nghị định 06/2018/NĐCP.

c) Đánh giá chung:

Ưu điểm: Thực hiện chế độ chính sách cho trẻ đảm bảo, đầy đủ theo quy định.

Tồn tại, thiếu sót: Chế độ cho giáo viên hợp đồng và giáo viên trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người dân tộc thiểu số tại các điểm lẻ chưa được thực hiện theo quy định. Chế độ của trẻ cấp chậm nguyên nhân do tỉnh, huyện chưa cấp kinh phí chi cho giáo viên và cấp kinh phí chậm cho trẻ.

5. Triển khai thực hiện nội dung tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số:

Chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung tăng cường tiếng Việt cho trẻ trong kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần, ngày. Đã tổ chức lồng ghép nội dung tăng cường tiếng Việt cho trẻ trong các hoạt động học, hoạt động chơi, lao động và các hoạt động khác trong ngày. Vốn từ tiếng Việt của trẻ mẫu giáo tương đối tốt, trẻ đọc thơ, kể chuyện và giao tiếp bằng tiếng Việt rõ ràng.

Triển khai xây dựng môi trường chữ viết, góc sách, góc thư viện, góc địa phương phong phú và hiệu quả.

Tuy nhiên, ở một số trường xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung tăng cường tiếng Việt chưa cụ thể, chưa sát nội dung chủ đề; xây dựng môi trường chữ viết, góc sách, góc địa phương chưa phong phú, đa dạng đảm bảo cho trẻ hoạt động trải nghiệm.

Một số giáo viên chưa chú trọng nội dung tăng cường tiếng Việt trong tổ chức hoạt động cho trẻ.

7. Công tác tuyên truyền và thực hiện xã hội hóa giáo dục:

a) Ưu điểm:

- Thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương ban ngành về chủ trương thực hiện Đề án trên địa bàn huyện.

- Trường mầm non có nhiều hình thức tuyên truyền vận động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt tỷ lệ cao, tuyên truyền về nội dung giáo dục, chăm sóc trẻ mầm non cho cộng đồng và phụ huynh.

- Đa số trường mầm non huy động sự tham gia của cộng đồng, gia đình trong việc xây dựng, cải tạo môi trường làm khu vui chơi, khu phát triển vận động, góc sách, môi trường chữ viết, đóng góp sách, báo, tranh truyện cho trường mầm non.

b) Tồn tại, thiếu sót:

- Một số trường chưa huy động được nguồn hỗ trợ từ phụ huynh, cộng đồng bằng nhiều hình thức để cải thiện môi trường, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị cho trẻ hoạt động (vật liệu, ngày công lao động).

- Một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

II. Triển khai thực hiện các chuyên đề:

a) Ưu điểm:

Phòng giáo dục chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các chuyên đề theo hướng dẫn của ngành.

Tổ chức triển khai, bồi dưỡng cho CBQL và giáo viên nội dung các chuyên đề và tổ chức thao giảng, chia sẻ rút kinh nghiệm việc triển khai chuyên đề ở các trường trên địa bàn.

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các chuyên đề tại cơ sở được lồng ghép trong đợt kiểm tra chuyên môn của phòng, có lưu hồ sơ theo từng chuyên đề.

Các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung chuyên đề theo nội dung hướng dẫn.

b) Tồn tại, thiếu sót:

Hàng năm, Phòng giáo dục xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề chưa cụ thể và đầy đủ các nội dung. Hồ sơ chuyên đề xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non và các chuyên đề khác lưu trữ chưa đầy đủ.

Công tác kiểm tra, giám sát của Phòng giáo dục về việc thực hiện chuyên đề ở các trường chưa chặt chẽ, chưa bám sát nội dung yêu cầu của từng chuyên đề để kiểm tra, hỗ trợ các đơn vị.

Ở các trường mầm non xây dựng kế hoạch lồng ghép chưa đầy đủ các nội dung, không xây dựng kế hoạch tháng, nội dung kế hoạch chưa được triển khai đến tất cả giáo viên ở các nhóm lớp.

Các điều kiện để thực hiện các chuyên đề chưa được nhà trường chú trọng đầu tư, trang bị.

III. Kiến nghị đối với Phòng GD&ĐT

a) Tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất bổ sung cho các trường mở nhà trẻ để nhu nhận trẻ nhà trẻ ra lớp thực hiện chỉ tiêu trẻ nhà trẻ DTTS ra ra lớp được tăng cường tiếng Việt, phân bổ kinh phí chi chế độ cho trẻ và giáo viên kịp thời.

b) Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch tăng cường tiếng Việt và lồng ghép các chuyên đề trong thực hiện nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non.

c) Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nội dung lồng ghép tăng cường tiếng Việt và các chuyên đề cho đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non hiệu quả.

d) Chỉ đạo các trường Mầm non trên địa bàn quy hoạch, cải tạo sân vườn, hành lang để xây dựng và khai thác sử dụng môi trường tăng cường tiếng Việt theo bộ tiêu chí quy

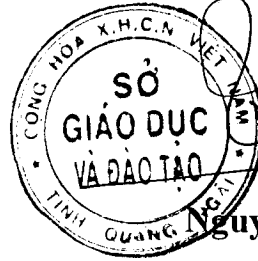
định; cải tạo sân vườn để trồng rau, trồng hoa, cây cảnh, cây xanh bóng mát, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thtích cho trẻ.

e) Chỉ đạo các trường tham mưu với UBND xã hỗ trợ, đầu tư kinh phí xây dựng tường rào cổng ngõ để đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường mầm non./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT huyện Minh Long;
- Sở GDĐT:
- + Giám đốc (b/cáo);
- + TTr, KHTC, TCCB, VP;
- Lưu: VT, GDMN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thái